TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2025/DS-PT
Ngày 26– 02 – 2025
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 12 năm 2024 và ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 438/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 305/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 333/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Kim D, sinh năm 1961 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trương Công D1, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bà Trương Kim D, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Trương Kim D trình bày:*

Cha bà tên Trương Văn H, mẹ bà tên Phạm Thị N. Cha mẹ bà có 02 người con ruột gồm: Trương Kim D, Trương Thị Cẩm T và 01 người con nuôi là Trương Công D1. Sinh thời, cha mẹ bà có tạo lập được phần đất toạ lạc tại khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày

07/12/1993 diện tích 4.250m^2 đứng tên Trương Văn H. Ông H chết năm 2000, không để lại di chúc; bà N chết năm 2007, có để lại di chúc. Khi còn sống, cha mẹ của bà có bàn bạc phân chia cho bà và bà T mỗi người ½ diện tích đất nêu trên; bà T đồng ý và đề nghị nhận toàn bộ phần đất, bà T sẽ trả lại bằng giá trị đất cho bà, nhưng sau khi cha của bà chết thì bà T thay đổi, không đồng ý nhận phần đất của bà nữa. Đồng thời, sau khi cha của bà chết, ngày 30/9/2001 thì mẹ của bà có lập di chúc phân chia cho bà và bà T mỗi người ½ diện tích đất nêu trên. Năm 2012, bà và bà T thỏa thuận bà nhận trước diện tích đất 460m^2 và bà đã chuyển nhượng hết cho nhiều người khác.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T phân chia thêm diện tích đất 1.416m^2, vì bà mới được chia 460m^2 ; bà tự nguyện giao lại cho bà T diện tích đất 709m^2 (có mồ mã ông bà liền kề phía sau diện tích đất 460m^2) để bà T sử dụng và làm đất hương hỏa.

- Theo bà Trương Thị Cẩm T trình bày:

Bà D thống nhất trình bày của bà T về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất. Năm 1991, bà về sống chung với cha mẹ, đến năm 2001 mẹ của bà nhờ người thân đo đạc để phân chia phần đất ra làm ba phần: Bà D hưởng phần đất ngang 15m dài từ tiền tới hậu giáp với đất của ông L; bà được hưởng phần đất ngang 15m chạy dài từ tiền tới hậu, cặp với phần đất bà D; phần đất còn lại ai nuôi dưỡng mẹ thì được hưởng. Do bà trực tiếp nuôi dưỡng, phụng thờ cha mẹ nên bà được hưởng phần đất sau khi mẹ của bà chết để lại. Năm 2012, bà và bà D thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, bà D được hưởng diện tích đúng như mẹ của bà phân chia, nhưng bà D chỉ lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất ngang 15m, dài 30m, diện tích 460m^2 và bà D đã chuyển nhượng hết cho nhiều người khác; còn phần đất phía sau liền kề với diện tích 460m^2 thì bà D không đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do phần đất đã được phân chia cho bà D xong, nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

- Theo ông Trương Công D1 trình bày:

Ông là con ruột của ông Trương Văn H và bà Phạm Thị N, chứ không phải con nuôi như bà D và bà T trình bày. Cha mẹ ông chết để lại diện tích đất mà hiện nay bà D khởi kiện bà T yêu cầu phân chia, quan điểm của ông về việc tranh chấp này: Khi cha mẹ chết thì bà D với bà T đã tự thỏa thuận chia cho bà D một phần diện tích đất, sau đó bà D đã chuyển nhượng hết cho người khác. Khi làm thủ tục chia đất ông biết nhưng ông không có ý kiến gì vì bà T nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ thì được hưởng đất như ý nguyện của mẹ, ông không nuôi dưỡng thì không yêu cầu phân chia đất đai của cha mẹ để lại. Ông không đồng ý việc bà D khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 305/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim D về việc yêu cầu bà Trương Thị Cẩm T phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 1.416m^2 thuộc một phần thửa 176 tờ bản đồ số 01 do ông Trương Văn H đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông dài 98,12m tiếp giáp đất bà Trương Thị Cẩm T đang quản lý.

Hướng Tây một đoạn dài 29,44m tiếp giáp đất anh Huỳnh Tấn Đ; một đoạn dài 19,65m tiếp giáp đất bà Lê Ngọc Y; một đoạn dài 35,46m tiếp giáp đất ông Ngô Hoàng N1.

Hướng Nam dài 8,68m tiếp giáp lộ đường T.

Hướng Bắc dài 27,75m tiếp giáp đất ông Nguyễn Duy K.

Giao cho bà Trương Thị Cẩm T quản lý, sử dụng diện tích đất 3.500,7m^2 thuộc một phần thửa 176 tờ bản đồ số 01 do ông Trương Văn H đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông một đoạn dài 65m tiếp giáp đất bà Lê Thị T1; một đoạn dài 50,03m tiếp giáp đất anh Nguyễn Trọng N2.

Hướng Tây một đoạn dài 29,44m tiếp giáp đất anh Huỳnh Tấn Đ; một đoạn dài 19,65m tiếp giáp đất bà Lê Ngọc Y; một đoạn dài 35,46m tiếp giáp đất ông Ngô Hoàng N1.

Hướng Nam dài 32,43m tiếp giáp lộ đường T.

Hướng Bắc dài 56,49m tiếp giáp đất ông Nguyễn Duy K.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định

Ngày 01/10/2024, bà Trương Kim D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Kim D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Bà D không có ý kiến tranh luận.

Bà T phát biểu: Không đồng ý theo yêu cầu của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo bà Trương Kim D, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm gải quyết quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Kim D khởi kiện bà Trương Thị Cẩm T yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha mẹ bà D, bà T để lại cho bà D được hưởng diện tích 1.416m^2, đất toạ lạc tại khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

[2] Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 305/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim D về việc yêu cầu bà Trương Thị Cẩm T phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 1.416m^2 thuộc một phần thửa 176 tờ bản đồ số 01 do ông Trương Văn H đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông dài 98,12m tiếp giáp đất bà Trương Thị Cẩm T đang quản lý;

Hướng Tây một đoạn dài 29,44m tiếp giáp đất anh Huỳnh Tấn Đ; một đoạn dài 19,65m tiếp giáp đất bà Lê Ngọc Y; một đoạn dài 35,46m tiếp giáp đất ông Ngô Hoàng N1;

Hướng Nam dài 8,68m tiếp giáp lộ đường T;

Hướng Bắc dài 27,75m tiếp giáp đất ông Nguyễn Duy K.

Giao cho bà Trương Thị Cẩm T quản lý, sử dụng diện tích đất 3.500,7m^2 thuộc một phần thửa 176 tờ bản đồ số 01 do ông Trương Văn H đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông một đoạn dài 65m tiếp giáp đất bà Lê Thị T1; một đoạn dài 50,03m tiếp giáp đất anh Nguyễn Trọng N2.

Hướng Tây một đoạn dài 29,44m tiếp giáp đất anh Huỳnh Tấn Đ; một đoạn dài 19,65m tiếp giáp đất bà Lê Ngọc Y; một đoạn dài 35,46m tiếp giáp đất ông Ngô Hoàng N1.

Hướng Nam dài 32,43m tiếp giáp lộ đường T.

Hướng Bắc dài 56,49m tiếp giáp đất ông Nguyễn Duy K.

Qua đối chiếu bản vẽ phần đất tranh chấp yêu cầu chia thừa kế với quyết định của bản án sơ thẩm tuyên, xét thấy do bản vẽ không thể hiện cụ thể vị trí, ranh giới, kích thước của phần diện tích đất mà bà D yêu cầu chia cho bà D được hưởng, đối chiếu với bản vẽ phần đất tranh chấp xét thấy quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa rõ ràng, chính xác và khó xác định, cụ thể:

[2.1] Đối với phần diện tích không chấp nhận yêu cầu của bà D 1.416m^2:

+ Bản vẽ không thể hiện cụ thể, vị trí, ranh giới, kích thước của diện tích đất 1.461m^2 mà bà D yêu cầu phân chia; nhưng theo vị trí, ranh giới (Đ1, T2, Nam, B), kích thước như quyết định của bản án tuyên thì bao trùm cả diện tích đất 737,8m^2 bà D đang quản lý và một phần diện tích đất của ông Đ nhận chuyển nhượng của bà D (phần diện tích bà D đang quản lý và phần diện tích đất ông Đ nằm trong diện tích đất mà bà T xác định đã phân chia cho bà D); trong khi phần nhận định của bản án cũng xác định bà D đã được phân chia diện tích 1.294,7m^2 (gồm: phần được cấp quyền sử dụng đất 460m^2; phần chuyển nhượng cho bà Lê Ngọc Y 96,9m^{2}và phần bà D đang quản lý sử dụng 737,8m^2);

+ Hướng Đông dài 98,12m nhưng không xác định được tính từ vị trí mốc giới nào đến vị trí mốc giới nào để có kích thước 98,12m (vì bản vẽ không thể hiện);

+ Hướng Nam (giáp đường T, nhưng quyết định tuyên đường T) dài 8,68m nhưng không xác định được tính từ vị trí mốc giới nào đến vị trí mốc giới nào để có kích thước 8,68m (vì bản vẽ không thể hiện);

+ Hướng Bắc dài 27,75m nhưng không xá định được tính từ vị trí mốc giới nào đến vị trí mốc giới nào để có kích thước 27,75m (vì bản vẽ không thể hiện).

[2.2] Đối với phần diện tích giao cho bà T quản lý, sử dụng 3.500,7m^2:

+ Theo bản vẽ thì phần đất tranh chấp là thửa 827, diện tích 4.254,1m^2. Như vậy, số liệu diện tích 3.500,7m^2 giao cho bà T quản lý sử dụng không xác định được từ đâu có số liệu này. Vì theo ranh giới tứ cận Đ1, T2, N3, B như quyết định

bản án tuyên thì bao trùm cả diện tích 737,8m^2 bà D đang quản lý, một phần đất của ông Đ chuyển nhượng của bà D, phần đất bà T đã chuyển nhượng cho ông N2 (196,5m^2) và phần bà T đang quản lý sử dụng, khi đó diện tích sẽ lớn hơn 3.500,7m^2;

+ Theo quyết định bản án tuyên thì phần đất giao cho bà T quản lý sử dụng có cả phần đất của ông Đ và phần đất của ông N2, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ và ông N2; nhưng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa ông Đ và ông N2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót.

[3] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm cần huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án là phù hợp.

[4] Chi phí tố tụng bà D đã nộp được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà Trương Kim D không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 305/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau về việc tranh chấp chia di sản thừa kế giữa nguyên đơn bà Trương Kim D với bị đơn bà Trương Thị Cẩm T. Giao toàn bộ hồ sơ về cho Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Chi phí tố tụng bà Trương Kim D đã nộp 10.048.000 đồng được xem xét khi giải lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm bà Trương Kim D không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;*
- *Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*